

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26-02-2026
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Phan Thu Hiền

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Trần Đình Hải

2. Bà Trần Thị Hậu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 12– Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Nguyễn Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2026/QĐST – HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Minh T, sinh ngày 23/5/1981.

CCCD số: 075181000964 do Bộ C cấp ngày 02/12/2025.

Nơi thường trú: 310C/C1 B, khu phố C, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Chỗ ở: 2703 tổ B, khu phố C, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Ngô Minh K, sinh ngày 07/01/1978

Số hộ chiếu 669081791 Bộ N cấp ngày 06/10/2021.

Nơi thường trú: 3705 S, O, OK G, Hoa Kỳ. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Phạm Thị Minh T trình bày:

Bà và ông Ngô Minh K xây dựng gia đình với nhau vào năm 2023, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 28/6/2023.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không

tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã. Bà và ông K đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau.

Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông K nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà và ông K không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Ngô Minh K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông K thống nhất với ý kiến của bà T về điều kiện kết hôn, chung sống và mâu thuẫn vợ chồng. Bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Minh T và ông Ngô Minh K cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Minh T được ly hôn với ông Ngô Minh K.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Phạm Thị Minh T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, xác định quan hệ pháp luật vụ án là “Ly hôn”; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Ngô Minh K có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông K.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở xác định: Bà Phạm Thị Minh T và ông Ngô Minh K tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28/6/2023 nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Xét về quan hệ hôn nhân của bà T, ông K: Bà T xác định vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên thường xuyên cãi vã. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau. Ông K cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T, ông K đều thống nhất thuận tình ly hôn. Do đó, áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà T, ông K.

Về con chung: Bà T và ông K không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà Phạm Thị Minh T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Minh T đối với ông Ngô Minh K về việc: “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Minh T và ông Ngô Minh K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Minh T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000905 ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Thị hành án dân sự Thành phố H. Bà Phạm Thị Minh T đã nộp đủ án phí.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND KV12-TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh (ĐKKH số [122/2023](#), ngày [28/6/2023](#));
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thu Hiền